

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Giám thị 1: Nguyễn Văn Trinh

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: Cao Thế Oanh

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 04/04/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006					C26QT1	
2	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006					C26QT1	
3	2410120030	Vi Thị Ngọc	15/03/1995					C26TC	
4	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006					C26QT1	
5	2410120009	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	20/10/2000					C26TC	
6	2410120012	Nguyễn Thị Yến Nhi	05/11/2006					C26TC	
7	2410120022	Nguyễn Thị Yến Nhi	16/05/2006					C26TC	
8	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006					C26QT1	
9	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006					C26QT1	
10	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006					C26QT2	
11	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004					C26TC	
12	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006					C26QT2	
13	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006					C26QT2	
14	2410120014	Nguyễn Minh Quyền	04/08/2006					C26TC	
15	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002					C26QT1	
16	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006					C26QT2	
17	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006					C26QT1	
18	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006					C26TC	
19	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006					C26TC	
20	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006					C26TC	
21	2410120003	Phùng Thị Thùy Tiên	23/07/2005					C26TC	
22	2210100152	Nguyễn Quốc Tín	26/10/2002					C24QT5	
23	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006					C26TC	
24	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn Trinh	06/10/2006					C26TC	
25	2410120011	Huỳnh Thị Thúy Trinh	15/11/2006					C26TC	
26	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002					C26QT2	
27	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006					C26TC	
28	2410100002	Phạm Trung Trục	04/07/2004					C26QT1	
29	2410120005	Nguyễn Thị Thuý Vy	30/5/2006					C26TC	
30	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002					C26QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
31	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006					C26TC	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 31 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 4...tháng 4...năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Dung

Ngày 4...tháng 4...năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thúy

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Giáo dục chính trị

Mã bài thi: U8FU5W

Thời gian thi: 04/04/2025 09:30:00

Thời gian kết thúc: 04/04/2025 10:30:00

Giám thị 1: Nguyễn Thị Kim Ngân Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: CT Cao Anh Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100022	Kim Thị Thủy Ngân	18/05/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26QT1	
2	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C26QT1	
3	2410120030	Vi Thị Ngọc	15/03/1995	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26TC	
4	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26QT1	
5	2410120009	Hoàng Thị Anh Nguyệt	20/10/2000	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26TC	
6	2410120012	Nguyễn Thị Yến Nhi	05/11/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26TC	
7	2410120022	Nguyễn Thị Yến Nhi	16/05/2006	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C26TC	
8	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26QT1	
9	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26QT1	
10	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26QT2	
11	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C26TC	
12	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26QT2	
13	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26QT2	
14	2410120014	Nguyễn Minh Quyền	04/08/2006	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C26TC	
15	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C26QT1	
16	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26QT2	
17	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C26QT1	
18	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C26TC	
19	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26TC	
20	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26TC	
21	2410120003	Phùng Thị Thủy Tiên	23/07/2005	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26TC	
22	2210100152	Nguyễn Quốc Tín	26/10/2002	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C24QT5	
23	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26TC	
24	2410120011	Huỳnh Thị Thúy Trinh	15/11/2006	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C26TC	
25	2410120029	Đinh Hoàng Đoan Trinh	06/10/2006	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C26TC	
26	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C26TC	
27	2410100002	Phạm Trung Trực	04/07/2004	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26QT1	
28	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26QT2	
29	2410120005	Nguyễn Thị Thuý Vy	30/05/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26TC	
30	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26QT1	
31	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C26TC	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 31

Số sinh viên đạt: 31

Ngày 4 tháng 4 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Phạm Thị Dung

Ngày 4 tháng 4 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Phạm Thị Kim Thủy

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy

Ngày thi: 04/04/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Trần Thị Tuyền

Ký tên: 

Giám thị 2: Lê Anh Thy Thy

Ký tên: 

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003					C26QT1	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006					C26QT1	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006					C26QT1	
4	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006					C26QT2	
5	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006					C26TC	
6	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006					C26QT1	
7	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006					C26QT2	
8	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006					C26TC	
9	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006					C26QT1	
10	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006					C26QT2	
11	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006					C26QT1	
12	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006					C26QT2	
13	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006					C26QT2	
14	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006					C26TC	
15	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006					C26QT1	
16	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006					C26TC	
17	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006					C26QT1	
18	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006					C26QT1	
19	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006					C26QT2	
20	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006					C26TC	
21	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006					C26QT1	
22	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005					C26QT2	
23	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006					C26QT1	
24	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006					C26QT1	
25	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006					C26QT2	
26	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003					C26TC	
27	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006					C26QT2	
28	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006					C26TC	
29	2410120008	Phan Ánh Linh	19/12/2006					C26TC	
30	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005					C26QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
31	2410120007	Võ Trúc Ly	23/04/2006					C26TC	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 31 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 31 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 4 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Chí Dũng

Ngày: 4 tháng 4 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phan Thị Kim Thúy

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Giáo dục chính trị

Mã bài thi: CU0X5Q

Thời gian thi: 04/04/2025 09:30:00

Thời gian kết thúc: 04/04/2025 10:30:00

Giám thị 1: Trần Thị Tuyền Ký tên: Tuyền

Giám thị 2: Lê Anh Thy Thy Ký tên: Thy

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/08/2003	<u>anh</u>	6.6	Sáu, sáu	C26QT1	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/08/2006	<u>anh</u>	5.4	Năm, bốn	C26QT1	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	<u>anh</u>	5.6	Năm, sáu	C26QT1	
4	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	<u>Bao</u>	5.4	Năm, bốn	C26QT2	
5	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006	<u>Chi</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TC	
6	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	<u>Cương</u>	8	Tám	C26QT1	
7	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	<u>Đăng</u>	6	Sáu	C26QT1	
8	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	<u>Diệu</u>	6.2	Sáu, hai	C26QT2	
9	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	<u>Đức</u>	6	Sáu	C26QT2	
10	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	<u>Dương</u>	6.8	Sáu, tám	C26QT1	
11	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	<u>Dương</u>	6.6	Sáu, sáu	C26QT2	
12	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006	<u>Duy</u>	6.8	Sáu, tám	C26TC	
13	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	<u>Gấm</u>	5.2	Năm, hai	C26QT2	
14	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006	<u>Hân</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TC	
15	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	<u>Hằng</u>	8.6	Tám, sáu	C26QT1	
16	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006	<u>Hạnh</u>	6.8	Sáu, tám	C26TC	
17	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	<u>Hậu</u>	5.4	Năm, bốn	C26QT1	
18	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	<u>Hậu</u>	8	Tám	C26QT1	
19	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	<u>Hiếu</u>	6.8	Sáu, tám	C26QT2	
20	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006	<u>Hồng</u>	8.4	Tám, bốn	C26TC	
21	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	<u>Huy</u>	6.2	Sáu, hai	C26QT2	
22	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	<u>Huy</u>	7.8	Bảy, tám	C26QT1	
23	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	<u>Huyền</u>	5.6	Năm, sáu	C26QT1	
24	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	<u>Huyền</u>	6.2	Sáu, hai	C26QT1	
25	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	<u>Hy</u>	5.6	Năm, sáu	C26QT2	
26	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003	<u>Kha</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TC	
27	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	<u>Kim</u>	4.8	Bốn, tám	C26QT2	
28	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	<u>Linh</u>	6.2	Sáu, hai	C26QT1	
29	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006	<u>Linh</u>	8.2	Tám, hai	C26TC	
30	2410120008	Phan Ánh Linh	19/12/2006	<u>Linh</u>	7.8	Bảy, tám	C26TC	
31	2410120007	Võ Trúc Ly	23/04/2006	<u>Ly</u>	7.4	Bảy, bốn	C26TC	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 31

Số sinh viên đạt: 31

Ngày 4 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Dung

Ngày 4 tháng 4 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thủy



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
2	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006	C26TC		6,0	Sáu phẩy không	
3	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006	C26TC		6,0	Sáu phẩy không	
4	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
5	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003	C26TC		6,0	Sáu phẩy không	
6	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006	C26TC		6,0	Sáu phẩy không	
7	2410120008	Phan Ánh Linh	19/12/2006	C26TC		7,0	Bảy phẩy không	
8	2410120007	Võ Trúc Ly	23/04/2006	C26TC		7,0	Bảy phẩy không	
9	2410120009	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	20/10/2000	C26TC		6,0	Sáu phẩy không	
10	2410120012	Nguyễn Thị Yến Nhi	05/11/2006	C26TC		7,0	Bảy phẩy không	
11	2410120014	Nguyễn Minh Quyền	04/08/2006	C26TC		7,0	Bảy phẩy không	
12	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006	C26TC		9,0	Chín phẩy không	
13	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
14	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006	C26TC		7,0	Bảy phẩy không	
15	2410120003	Phùng Thị Thùy Tiên	23/07/2005	C26TC		6,0	Sáu phẩy không	
16	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006	C26TC		7,0	Bảy phẩy không	
17	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn Trinh	06/10/2006	C26TC		7,0	Bảy phẩy không	
18	2410120011	Huỳnh Thị Thúy Trinh	15/11/2006	C26TC		10,0	Mười phẩy không	
19	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006	C26TC		6,0	Sáu phẩy không	
20	2410120005	Nguyễn Thị Thuý Vy	30/5/2006	C26TC		6,0	Sáu phẩy không	
21	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006	C26TC		7,0	Bảy phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 21 vắng thi: 00. Số bài thi: 21 / 21.

Ngày 11 tháng 1 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Dung

Ngày 11 tháng 01 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thúy

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
2	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006	C26TC		9,0	Chín phẩy không	
3	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006	C26TC		9,0	Chín phẩy không	
4	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006	C26TC		9,0	Chín phẩy không	
5	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003	C26TC		9,0	Chín phẩy không	
6	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
7	2410120008	Phan Ánh Linh	19/12/2006	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
8	2410120007	Võ Trúc Ly	23/04/2006	C26TC		9,0	Chín phẩy không	
9	2410120009	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	20/10/2000	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
10	2410120012	Nguyễn Thị Yên Nhi	05/11/2006	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
11	2410120014	Nguyễn Minh Quyên	04/08/2006	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
12	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006	C26TC		10,0	Mười phẩy không	
13	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
14	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
15	2410120003	Phùng Thị Thùy Tiên	23/07/2005	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
16	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
17	2410120029	Đinh Hoàng Đoan Trình	06/10/2006	C26TC		9,0	Chín phẩy không	
18	2410120011	Huỳnh Thị Thúy Trình	15/11/2006	C26TC		10,0	Mười phẩy không	
19	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
20	2410120005	Nguyễn Thị Thuý Vy	30/5/2006	C26TC		7,0	Bảy phẩy không	
21	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006	C26TC		7,0	Bảy phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Dung

Ngày.....tháng.....năm.....

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thúy

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	C26QT1		8,0	Tám phẩy không	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	
5	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	C26QT1		1,0	Một phẩy không	
8	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	
9	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	
10	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	
11	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	C26QT1		7,0	Bảy phẩy không	
12	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	
13	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	C26QT1		7,0	Bảy phẩy không	
14	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	
15	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	C26QT1		7,0	Bảy phẩy không	
16	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	C26QT1		8,0	Tám phẩy không	
17	2410100023	Võ Thị Tuyết Nhi	06/03/2006	C26QT1				
18	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	
19	2410100030	Trần Viết Phú	03/12/2004	C26QT1				
20	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	HT 70
21	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	
22	2410100002	Phạm Trung Trục	04/07/2004	C26QT1		9,0	Chín phẩy không	
23	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	C26QT1		6,0	Sáu phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 02 . Số bài thi: 21 / 21

Ngày 11 tháng 01 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thúy

Ngày 11 tháng 01 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thúy 1/1

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	C26QT1	<i>Hand</i>	8.0	Tám phẩy không	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	C26QT1	<i>Anh</i>	7.0	Bảy phẩy không	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	C26QT1	<i>Ánh</i>	7.0	Bảy phẩy không	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	C26QT1	<i>Cương</i>	8.0	Tám phẩy không	
5	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	C26QT1	<i>Dương</i>	7.0	Bảy phẩy không	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	C26QT1	<i>Đăng</i>	8.0	Tám phẩy không	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	C26QT1	<i>Thúy</i>	10.0	Mười phẩy không	
8	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	C26QT1	<i>Hậu</i>	8.0	Tám phẩy không	
9	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	C26QT1	<i>Hậu</i>	7.0	Bảy phẩy không	
10	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	C26QT1	<i>Huyền</i>	7.0	Bảy phẩy không	
11	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	C26QT1	<i>Huyền</i>	8.0	Tám phẩy không	
12	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	C26QT1	<i>Linh</i>	8.0	Tám phẩy không	
13	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	C26QT1	<i>Ngân</i>	8.0	Tám phẩy không	
14	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	C26QT1	<i>Ngân</i>	9.0	Chín phẩy không	
15	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	C26QT1	<i>Nguyên</i>	8.0	Tám phẩy không	
16	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	C26QT1	<i>Nhi</i>	9.0	Chín phẩy không	
17	2410100023	Võ Thị Tuyết Nhi	06/03/2006	C26QT1				
18	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	C26QT1	<i>Nhung</i>	8.0	Tám phẩy không	
19	2410100030	Trần Viết Phú	03/12/2004	C26QT1				
20	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	C26QT1	<i>Thi</i>	8.0	Tám phẩy không	
21	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	C26QT1	<i>Thu</i>	8.0	Tám phẩy không	
22	2410100002	Phạm Trung Trục	04/07/2004	C26QT1	<i>Trục</i>	9.0	Chín phẩy không	
23	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	C26QT1	<i>Xuân</i>	9.0	Chín phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 02 . Số bài thi: 21 / 21 .Ngày 11 tháng 01 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

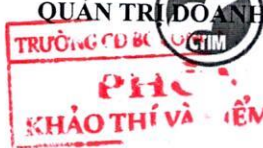
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 01 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Lâm Thúy



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150052	Lê Minh	Đức	21/11/2006	C26QT2		7,0	Bảng điểm không	
2	2410100045	Trần Thị Hồng	Gấm	01/01/2006	C26QT2		8,0	Bảng điểm không	
3	2410100039	Nguyễn Hoàng	Kim	29/05/2006	C26QT2	Kim	6,0	Bảng điểm không	
4	2410100043	Nguyễn Tấn	Thành	27/12/2006	C26QT2		7,0	Bảng điểm không	
5	2410100037	Nguyễn Minh	Thiệu	03/10/2002	C26QT2				
6	2410100051	Lê Ngọc Tường	Vi	06/07/2005	C26QT2				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 06 - 2 vắng thi: 02 . Số bài thi: 04/06 - 2 .

Ngày: 11 tháng 01 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Dung

Ngày: 11 tháng 01 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thúy



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150052	Lê Minh	Đức	21/11/2006	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	
2	2410100045	Trần Thị Hồng	Gấm	01/01/2006	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	
3	2410100039	Nguyễn Hoàng	Kim	29/05/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
4	2410100043	Nguyễn Tấn	Thành	27/12/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
5	2410100037	Nguyễn Minh	Thiệu	03/10/2002	C26QT2				
6	2410100051	Lê Ngọc Tường	Vi	06/07/2005	C26QT2				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Dung

Ngày.....tháng.....năm.....

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thúy

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006	C26TC		7.0	Bảy phẩy không	
2	2410120030	Vì Thị Ngọc	15/03/1995	C26TC		7.0	Bảy phẩy không	
3	2410120022	Nguyễn Thị Yên	16/05/2006	C26TC		7.0	Bảy phẩy không	
4	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004	C26TC		6.0	Sáu phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 04 vắng thi: 00 . Số bài thi: 04 / 04 .

Ngày 11 tháng 01 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Dung

Ngày 11 tháng 01 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thúy



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006	C26TC		7,0	Bảy phẩy không	
2	2410120030	Vì Thị Ngọc	15/03/1995	C26TC		8,0	Tám phẩy không	
3	2410120022	Nguyễn Thị Yến Nhi	16/05/2006	C26TC		7,0	Bảy phẩy không	
4	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004	C26TC		8,0	Tám phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: _____ vắng thi: _____, Số bài thi: _____/_____.

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Dung

Ngày.....tháng.....năm.....

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thúy

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100050	Trần Đức Anh	23/01/2006	C26QT2				
2	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
3	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
4	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	
5	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
6	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
7	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2		6,0	Sáu phẩy không	
8	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
9	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
10	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
11	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2		7,0	Bảy phẩy không	
12	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Ngày:tháng.....năm.....

Ngày:tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)


Phan Thị Kim Thúy


Phan Thị Kim Thúy



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100050	Trần Đức Anh	23/01/2006	C26QT2				
2	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	
3	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	
4	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	
5	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	
6	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	
7	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	
8	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	
9	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	
10	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	
11	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2		8,0	Tám phẩy không	
12	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2		9,0	Chín phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

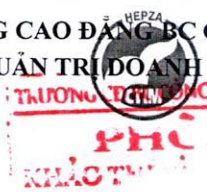
Phan Thị Dung

Ngày.....tháng.....năm.....

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thúy



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Tín	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100152	Nguyễn Quốc	Tín	26/10/2002	C24QT5		7.0	Bảy phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

Ngày 11 tháng 01 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Anh Dũng

Phan Thị Kim Thúy



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100152	Nguyễn Quốc Tín	26/10/2002	C24QT5		8.0	Tám phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____ / _____.

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Anh Dũng

Ngày.....tháng.....năm.....

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thúy



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	C26QT1		9,0	Chín phẩy không	
2	2410100007	Nguyễn Yên Thư	10/10/2006	C26QT1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02-1 vắng thi: 01 . Số bài thi: 01 / 02-1 .

Ngày 11 tháng 01 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Dung

Ngày 11 tháng 01 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thúy



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	C26QT1		9,0	chưa phải không	
2	2410100007	Nguyễn Yến Thư	10/10/2006	C26QT1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Ngày: 6...tháng 3...năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 6...tháng 3...năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thị Kim Thúy

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109021

Mã lớp học phần: 24211MH110902102 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Phan Thị Kim Thúy - (07032)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	C26QT1		8,0	Tám phẩy không	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	C26QT1		7,0	Bảy phẩy không	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	C26QT1		7,0	Bảy phẩy không	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	C26QT1		8,0	Tám phẩy không	
5	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	C26QT1		7,0	Bảy phẩy không	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	C26QT1		8,0	Tám phẩy không	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	C26QT1		10,0	Mười phẩy không	
8	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	C26QT1		8,0	Tám phẩy không	
9	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	C26QT1		7,0	Bảy phẩy không	
10	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	C26QT1		7,0	Bảy phẩy không	
11	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	C26QT1		8,0	Tám phẩy không	
12	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	C26QT1		8,0	Tám phẩy không	
13	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	C26QT1		8,0	Tám phẩy không	
14	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	C26QT1		9,0	Chín phẩy không	
15	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	C26QT1		8,0	Tám phẩy không	
16	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	C26QT1		9,0	Chín phẩy không	
17	2410100023	Võ Thị Tuyết Nhi	06/03/2006	C26QT1				
18	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	C26QT1		8,0	Tám phẩy không	
19	2410100030	Trần Viết Phú	03/12/2004	C26QT1				
20	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	C26QT1		8,0	Tám phẩy không	
21	2410100006	Trần Đức Thịnh	18/6/2002	C26QT1				
22	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	C26QT1		8,0	Tám phẩy không	
23	2410100002	Phạm Trung Trục	04/07/2004	C26QT1		9,0	Chín phẩy không	
24	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	C26QT1		9,0	Chín phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ **vắng thi:** _____. **Số bài thi:** _____/_____.

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Thị Dung

Ngày.....tháng.....năm.....

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phan Thị Kim Thúy